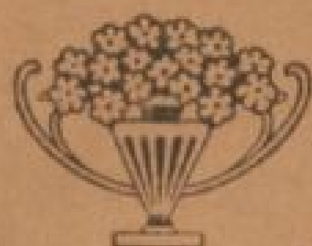
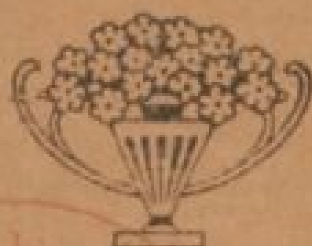
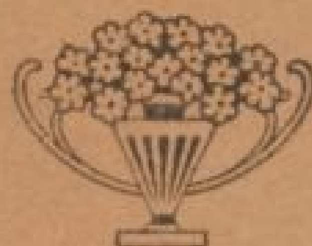
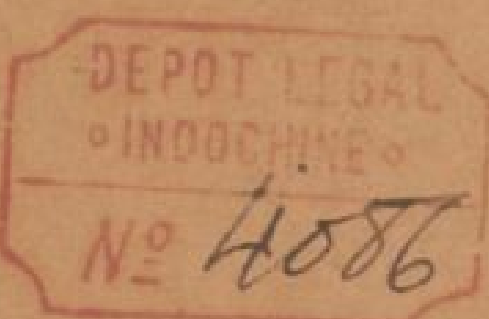
Tây hành luc ký, kiên dâng chu cô-h truc tác Jacques Lê-Vn-Đúc, Eugène Đinh Phung dich





TÂY HÀNH

LƯỢC KÝ

Kiến dâng chư cố-hữu

trước-tác : JACQUES LÊ-VĂN-ĐỨC



Eugène ĐINH

Phụng dịch.



CUỐN THỨ NHỨT

Từ Saigon đến Marseille

Imprimerie de Quinhon

QUINHON (ANNAM)

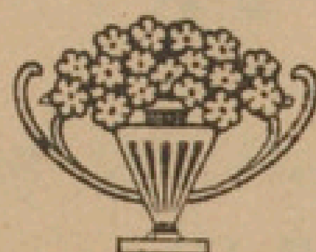
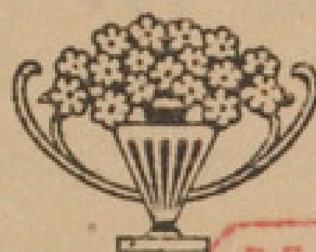
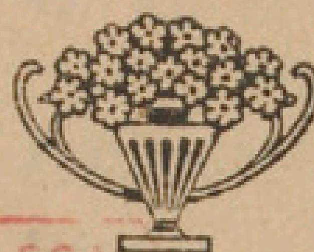
1923

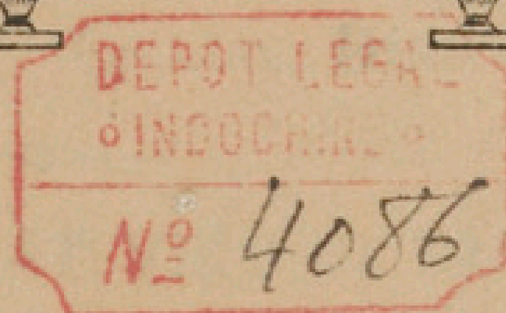
Nom d'auteur Lê Văn Đức (Jacques)

Titre de l'ouvrage: Tây hành lược ký
(Voyage de Saigon à Marseille)
1re éd.

Voyage

Quinhon
Imp. de la Mission
1923





TÂY HÀNH

LƯỢC KÝ

Kiến dâng chư cố-hữu trước-tắc

JACQUES LÊ-VĂN-ĐỨC.



Eugène ĐÍNH

Phụng dịch.



Imprimerie de Quinhon

QUINHON (ANNAM)

1923

Supplément au « LỜI THĂM ».



TÂY HÀNH LƯỢC KÝ

Kiến dâng chư cố-hữu trước-tắc : JACQUES ĐỨC.

(*Phụng dịch :* EUGÈNE ĐÍNH)

——o——

PHẦN THỨ NHỨT : THUẬT VIỆC ĐI ĐƯỜNG
từ Saigon đến Marseille

——o——

1 — Lúc trẩy đi.

Tôi hữu-hạnh đi qua đất Pháp lần nầy là hai lần. Lần thứ nhứt, cách đã 12 năm nay, tôi đi du-học ; còn lần nầy là cho đặng nhàn-du.

Các cuộc tồn phí tôi đi chuyến nầy thì cha mẹ tôi gồm cho, chẳng tiếc với con, ấy là dấu cha mẹ tôi biết sự đi xứ xa làm cho sự-học được trọn lành. Cho nên tôi cao rao ra đây hầu tỏ lòng tôi cám mến ơn người là dường nào.

Hiền xưa có nói : « Đi xứ xa, ấy là đi học », mà hẳn thật ra một tất đường, học đặng một đều khôn. Bởi đó tôi thấy được đều chi, biết được sự chi, thì tôi sẽ học lấy mà làm ích cho tôi vậy.

Tôi sẽ rán mở con mắt ra cho lớn... chống cả hai con lên... chớ một con nhắm, một con mở mà thấy đi gì, trừ ra một con mà lớn như con mắt lân thì khác....

Trông cậy hễ thấy biết được bao nhiêu, thì tôi sẽ ghi nhớ vào lòng bấy nhiêu.

Chúng tôi đi đây cả thảy là 6 người : hai vợ chồng đứa em gái tôi (vợ chồng mới) ; vợ chồng tôi ; thằng con thứ năm của tôi cũng là thằng út... (út nhứt đa....) thằng bé con ấy nên 2 tuổi cao chưa đầy 7 tấc ; với một chị-ở nữa.

Đi du phương thiệt là vui-sướng chúc, nhưng trước khi đi phải tới toà nầy, phòng nọ, trình giấy với ty nầy sở kia, rộn ràng lắm. Chẳng phải được như thuở trước, muốn đi đâu

thì được liền; chí như bây giờ, nếu toan tính đi xứ nào, phải lo trước cho sớm mới được cho.

Cho đặng lãnh giấy thông-hành, phải đến toà Thượng-thơ, trao cho lính-hầu một bổn giấy in biên đủ lý-lịch của mình, trong ấy phải gắn hai cái hình nhỏ như trong giấy danh-tánh vậy. Bữa sau trở lại lãnh ra, khỏi tốn tiền chi cả, đoạn phải trình cho quan Lãnh-sự Hồng-mao vi-chứng.

Coi thì dễ thiệt, mà chẳng phải dễ cho mọi người đâu. Vì như người Annam mà chẳng phải là dân bộ Langsa, thì phải chầu ty nầy chực sở nọ, cực nhọc lắm bề như sau nầy, mới lãnh được một lá giấy thông-hành.

Phải mua giấy tàu trước khi đi và phải đóng tất giá tiền quá-giang, chớ chẳng phải đóng một phần ba như trước nữa. Như vậy mới chắc đi được ngày của mình định và chuyến tàu của mình chọn mà đi. Rồi mới lo xin một lá giấy thông-hành. Hồi chưa nổi cơn binh-cách bên Âu-châu thì dầu người Langsa, dầu người Annam dân Tây cũng chẳng cần phải xin giấy nầy, chí như bây giờ thì buộc phải có. Trong cơn giặc-giã thì giấy nầy cần kíp phải có mới được, ví dầu người Langsa hồi cố-lý cũng phải có, nhưng mà hiện bây giờ thì chẳng cần chi lắm. Có ích chăng, là lúc tàu ghé mấy bến thuộc về Hồng-mao cai-trị đó thôi. Bởi đó, trước khi đi phải trình cho Lãnh-sự Hồng-mao vi-chứng. Có giấy đó, hễ tàu ghé mấy hải-khẩu Hồng-mao, thì mình lên bờ đi chơi thong-thả. Nhưng đã cách một ít lâu rồi đây, những hành-khách ghé nơi ấy, thì chẳng còn ai hỏi hạch chi nữa, như tại Singapore và Penang thì cũng vậy. Nói tắt một lời là giấy thông-hành có Lãnh-sự Hồng-mao vi chứng, là cần kíp cho những kẻ ghé trong các thành của Hồng-mao cho đặng ở đó luôn mà thôi.

Vậy, trước hết, phải làm đơn gắn hai cái hình, trình cho làng sở tại vi-bằng, rồi đến Toà-bố xin lãnh giấy danh-tánh. Có giấy danh-tánh, sở Mật-thám và sở Tân-đáo mới phát giấy thông-hành cho.

Tới làng, tới quan Tham-biện, rồi đến kinh-thành, thật là tốn hao bạc tiền chẳng ít, mà mất ngày giờ cũng nhiều. Đó là nói cách người Annam xin giấy thông-hành khó dễ dường ấy, chí như người Trung-huê lại càng nhiều nỗi gay go, vì họ phải đến Ban-trưởng của họ, rồi Ban-trưởng bắt họ đi đầu nầy đầu kia lăng xăng chẳng ngớt.

Lãnh cho được một lá giấy thông-hành, xe-kéo ăn tiền hết bộn. Đến ngày xuống tàu, mầng mà thở ra một cái làm cho chiếc tàu lướt tới được vài tấc nước....

***

Chúng tôi may đi nhằm chiếc tàu « ANDRÉ-LEBON », là chiếc lớn hơn hết của hảng tàu đò (*Messageries Maritimes*) (Mua giấy trước hơn mấy tháng mà đi không được chuyến nầy thì là suy lớn lắm...) Chiếc tàu nầy có hai chơn-vịt, sức chở nồi chắc chắn 19.260 tấn (một tấn là 1000 kilos), trọng-tải 13.681 tấn, sức-mạnh 11.000 mã-lực.

Chiếc « ANDRÉ-LEBON » đi Nhựt-bổn và Bắc-kỳ về tới bến Saigon được đôi ngày trước, kế định ngày 31 Mars, 4 giờ sáng thì chạy đi Tây. Mà chưa gì, ngày 30 Mars, lối 10 giờ tối, thì ai nấy đua nhau xuống tàu rồi hết. Thường khi, hễ có tàu chạy, nhứt là tàu đi Tây, thì thiên hạ đến cầu tàu đông như kiến cỏ : nào Tây, Nam ; nào Chà, Khách ; kẻ thì đến dạo chơi, người lại đến đưa bà con anh em đi xa xứ, cùng chúc cho đi được biển lặng trời êm. Nhờ có bọn nhạc của Võ thổi đưa hai ông quan Sáu cũng đi chiếc tàu ấy, cho nên vì nghe thổi hay mà xao-lảng được một giây nỗi bận-bịu nhớ thương, lúc giã-từ phân cách. Lần lần, lối nửa đêm, kẻ ở, người đi, phân tay, chúc bình an cho nhau, lần sau hết đoạn kẻ thì trở lại nhà, người vào phòng an nghỉ.

Đến 1 giờ khuya, đâu đó yêm liềm, duy còn trên cầu tàu và các nơi cầu khác, một đôi người làm công qua lại. Dưới tàu, cũng như trên bờ, ai nấy đều ngủ lặng. Rạng ngày, 4 giờ, thành Saigon còn đương an giấc, chiếc tàu « ANDRÉ-LEBON »

thỉnh thoảng kéo neo, xa bến, ra khỏi sông Saigon, nhắm Vũng tàu (*Cap-St-Jacques*) lướt tới.

Bởi trong phòng nóng nực, thằng con của tôi ngủ không được, khóc lên, làm cho tôi giựt mình thức dậy, bỗng nghe chuông nhựt-một đổ nơi lầu-chuông nhà-thờ Xóm-chiếu. Ấy là tiếng chuông tai tôi được nghe lần sau hết cho đến khi trở về cố-quốc. Tôi bèn đọc kinh ban mai, hầu phú dâng linh-hồn và xác tôi cho Thiên-thần giữ mình bàu-chủ khi đi dọc đàng và bao lâu ở nơi đất-khách lạ người.

Hừng-đông gió mát, tôi thức luôn chẳng còn ngủ nướng lại được nữa, mới lên trên bờn tàu, hầu ngoạn-cảnh, và nhắm xem địa cuộc Saigon và các nơi kế cận, vì chiếc tàu « ANDRÉ-LEBON » cao vọi vọi, có 5 từng, cho nên cao hơn hai bờ sông nhiều lắm. Sông Saigon tuy không rộng lớn chi lắm, nhưng mà hai chiếc tàu trộng-trộng qua mặt nhau chẳng khó. Sông nầy có nhiều chỗ quanh-co, cho nên chi, ở dưới tàu thấy xa-xa nhà-thờ Đức Chúa Bà Saigon khi thì bên hữu, khi thì bên tả, lúc trước mặt, lúc sau lưng.

Hoa-tiêu cầm lái, tàu chạy chừng 4 giờ đồng-hồ, thì đã tới Vũng-tàu (Cap St-Jacques), đậu ngoài khơi một đôi phút đặng người hoa-tiêu xuống tàu nhỏ ở trong bờ ra rước. Thành Vũng-tàu thấy rõ ràng trước mắt, cất gần mé biển, là chốn của người Saigon đua nhau đến hứng gió, cách xa kinh thành Saigon 2 giờ xe-hơi chạy. Dưới triền núi thì thấy nhà mát của quan Toàn-quyền nguy ngoa đẹp đẽ, chẳng khác một cái đền đài kia vậy, dọn dẹp sắp đặt theo kim-thời.

Thôi bây giờ nhắm Singapore trực chỉ.

Tàu ra khơi, ban đầu còn thấy bờ tăm tăm, dần dần chẳng còn thấy đi gì nữa, chỉ thấy trên thì trời cao lộng-lộng, dưới biển rộng mênh-mông, ấy là biển Trung-huê (*Mer de Chine* hay là *biển Tàu*).

Như vầy suy ra mới biết loài người nhỏ nhít quá đỗi và mỏng giòn là dường nào ! Như chiếc tàu nầy ta gọi là lớn, mà

ở giữa đại hải mênh-mông thì có ra chi, chẳng khác nào một chiếc xuồng-con, cũng chẳng bằng một trứng-gà, — là vật của Chúa sinh — nó chìm tột đáy biển chẳng dễ bằng vật của ta tự-đắc, mà gọi là « cái thành-nổi ». Thấy biển mênh-mông vô-hạn mới rõ loài người nhỏ-mọn và yếu-đuối là dường nào, với sự lòng lành cùng phép-tắc của Đ. C. T. thì vô lượng. Tội nghiệp cho chúng ta thay! Ta làm trọn đôi ba năm trường mới thành ra một chiếc tàu, ta lấy làm đắc-chí mà tự khen là khéo-léo cơ xảo, mà nếu Đ. C. T. muốn phá cho tan đi, trong một nháy mắt ắt chẳng còn. Người cho một trận bão, cũng như một hơi thở của Người, cũng đủ cho ta phải chết, chìm tột đáy biển, như hột cát kia vậy chẳng sai.

Đi ngang cù-lao Côn-nôn (*Poulo-Condore*) thấy ở phía bên bát. Nhờ trời êm, tàu chạy trọn 48 giờ chẳng, thì tới *Singapore* (Phố-mới) nhằm ngày 2 Avril, lúc 5 giờ sáng.



II. — Singapore.

Nhằm ngày Chúa-nhựt, còn sớm, cho nên còn thấy được mờ mờ mấy dãy núi, lần lần mới thấy thành Singapore tỏ rõ. Tàu đã vô vũng rồi, xung quanh tàu ghe đậu vô số. Tàu đã ngừng rồi, mà vô doan quá, chưa ai lên bờ được, vì phải chờ sở lính Hồng-mao xuống xét, nhứt chờ anh hoa-tiêu xuống đặng đem tàu cập cầu, mà rủi cầu tàu nầy lại xa thành-phố nữa. — Đã tám giờ rồi mà ở đâu còn ở đó, bực bội, nóng-nảy trông mau lên bờ, kẻo tồi-túng quá, nhứt là cho đặng đi viếng thành Singapore, là một bến tàu-đậu đệ nhứt lớn trong các hải-môn chốn Viễn-đông.

Tàu cập cầu xong rồi thì đã 9 giờ, mà nghe nói 10 giờ thì chạy. Một giờ thiệt là hẹp hòi quá, e lên bờ đi chơi đâu chẳng

tới đâu. Nhưng mà chúng tôi đánh liều, lên mướn một cái xe-hơi đi dạo chơi thành-phố.

Nhằm lúc thiên hạ dập dều, chen chơn chẳng lọt; xe-ngựa chật đường: nào xe-hơi, xe-kéo (tiếng bổn-thổ gọi xe-kéo là *jinriksha*, theo tiếng Nhứt-bổn) xe song-mã, tốp thả lên tốp thả xuống, đoàn qua lủ lại kết-hôi vô số. Bởi dân sự thành Singapore mới nghinh tiếp một cách long-trọng Hoàng-thái-tử Hồng-mao ngự viếng; cho nên chỗ nào cũng hãy còn thấy cung-nguyệt đề: « *Chúc mầng Hoàng-thái-tử.* »

Thấy thảy xem ra như ngày lễ trọng. Cũng là dịp may cho chúng tôi được thấy người phương tây và người bổn thổ một lượt.

Singapore là một thành rất lớn của Nhà-nước Hồng-mao cai-trị. Bởi xứ nầy ở gần vòng xích-đạo, cho nên cảnh-tượng coi ra tựa-hồ tại Saigon vậy. Người phương Tây thì mặc y-phục trắng. Người bổn-thổ chẳng phải là người Annam như tại Saigon, song le là Chà-và với Chệc.

Như tôi mới nói trước, xứ nầy cũng có xe-kéo, nhưng mà Chệc kéo. Thức lệ về xe-chạy thì chẳng phải như bên Tây, hay là như tại các thuộc-địa Langsa. Xe đi thì cứ giữ phía tả luôn, chớ chẳng phải phía-hữu. Phàm có xe nào muốn qua mặt xe khác, thì phải bóp kèn, đợi xe ấy tránh qua bên tả, chừa phía hữu trống cho mà đi. Ấy là một đều người tha-hương muốn cầm xe nên biết vậy,

Xe-hơi của chúng tôi chạy thẳng thét một giờ, trả hết 5 dollars (một dollar lúc ấy giá bằng 1$00 xứ mình, hay là 6 quan tiền tây.)

Trả tiền xe xong rồi, lật đật trở lại tàu, kẻo 10 giờ thì nó chạy, vì sợ hụt mà sanh ra nhiều đều bất tiện chăng. Vã chăng, rủi có trễ thì đi xe-lửa thẳng tới Penang cũng còn gặp kịp tàu, ngặt... có lắm đều lo-ngại, nhứt là thằng nhỏ của tôi còn dưới tàu không đem theo lên bờ. Nếu chẳng may hụt tàu, ắt là nó khóc hết nước mắt mà chảy tràng ra cả biển......

Đúng 10 giờ, chiếc « ANDRÉ-LEBON » ra khỏi bến, nhắm Penang tách dặm. Thấm thoát, thành Singapore chẳng còn thấy bóng. Ban đầu còn thấy những toà nhà lầu lờ mờ dưới chơn trời, lần lần tàu càng xa, nó càng khuất mất, cũng như hành-khách lần lần bỏ sân tàu, xuống từng dùng bữa.



III. — Penang

Qua ngày sau là 3 Avril, 4 giờ chiều, thì thấy thành Penang trước mặt. Thành nầy rộng lớn, số dân bổn-quốc đông lắm, mà phần nhiều là người Chệc. Có nhiều toà-nhà của người Tây coi khá đẹp. Số tàu ghé tại chốn nầy chẳng kém gì các nơi hải-khẩu khác.

Ở ngoài biển trông vào thì thành Penang cả đẹp, nhờ có những nhà lầu kiểu lạ với cái tháp chùa Chà-và rất lớn.

5 giờ chiều, tàu cập lại một bên cây cầu, thật là chẳng hổ với thành Penang vậy, vì cầu ấy chẳng những là có máy để quây hàng-hoá, mà lại có đường rầy để cho xe-lửa nhỏ chạy thấu tới gần một bên tàu đậu.

Lên bờ đoạn, chúng tôi mướn một cái xe-hơi đặng đi viếng những miền ở xung-quanh thành Penang, là nơi thắng cảnh đệ nhứt.

Xe chạy trên một con đường rộng lớn, đá trải bằng trang, thấy xa xa trước mặt, độ chừng 18 ngàn thước, một cảnh chùa thờ rắn (*Pagode des Serpents, The Snakes temple*). Cái chùa thì chẳng có chi lạ, cũng giống như các chùa khác, kiểu thức đơn sơ; duy lạ là ở trong chùa, họ trồng hoa trồng kiển để đầy trên bàn-thờ, nơi nào cũng có. Trên nhành hoa, nhành kiển ấy, bò tới bò lui dắc vồng, nhiều thứ rắn nho nhỏ, đủ màu đủ sắc, thấy người thì mở mắt thom-nom như lấy làm lạ vậy. Thật là rắn sống hẵn-hòi, đủ thịt đủ xương, bò thong thả khắp chùa,

miệng không may, răng không nhồ, chẳng khác chùa ấy là ồ là hang của mấy hắn vậy. Đi thẳng đi quanh cũng hắn lẩn quẩn. Dòm trước ngó sau, cũng thấy mấy hắn. Hễ thấy có người thì ngóng cồ le lưỡi làm như tuồng chào khách. Mấy hắn thủ-lễ như thế thật là ngộ, mà đố chư-tôn, dám trả lễ lại mà chơi... Đã biết không cắn mồ mặc lòng, ngặt cái loài dị-cục, thấy mà kinh tâm, thấy mà nhờm gớm, nhứt là rắn còn răng chơm chởm mới dễ sợ cho!

Coi chơi thì ngộ mà đố ai có gan ở nán lại lâu, thấy một chút cũng đã thèm, đã sợ.

Thưởng bọn Chệc làm từ chùa ấy đoạn, chúng tôi lên xe ra đi dọc đàng thấy nhiều toà-nhà nguy ngoa chung quanh đấp bờ đấp sân trồng cỏ mướt xanh đẹp mắt.

Gần châu thành có vườn thú lập gần triền núi, có đủ tùng cao cồ thọ, tàn che mát đất, suối khe nước chảy như đờn. Một bầy khỉ nhảy nhót dựa lề đường, thấy khách lại qua, đưa tay đưa chơn như tuồng « *làm-khỉ* », trông có ai thí cho miếng bánh trái cây.

Tại thành Penang có nơi nhà trường chung các cha Annam thuở trước đã tập, nay các đấng ấy vì tuồi cao đã hưu-trí rồi hết. Nhớ lại bạn thiết tôi là thầy sáu Xuyến đã bất hạnh rồi cũng tu trì nơi ấy. Thầy gần chịu chức chánh-tế mà Chúa sớm gọi về. Xin Chúa nhơn từ thương xót linh hồn thầy... !

Tới giờ phải trở lại tàu dùng bữa tối, trả tiền xe-hơi hết 12 đồng dollars đi hết hai giờ. Ăn rồi, chúng tôi trở lên bờ mướn xe-hơi đi hóng gió cùng dạo phường-phố chơi một thề.

Thành Penang đông đảo vui vẻ chẳng kém mấy thành lớn trong các thuộc địa, đường sá rộng rãi sạch sẽ, trải sỏi trộn với chai. Đèn khí, xe-hơi, xe điễn-khí, xe-kéo dập dều, thiên hạ lại qua đông vô số, nhứt là mấy xóm Chệc ở, thì người ta lại càng nhộn nhàng đông hơn nữa.

Đi dạo rồi, chúng tôi vào giải-lao trong một cái nhà-hàng

lớn, dịp may gặp một tiệc cưới vừa xong, họ hàng đương từ cập nhảy đầm nhiều kiểu.

Đến nửa đêm, chúng tôi mới trở lại tàu, mệt đã đuối hơi, mà đẹp dạ. Chẳng đầy một giờ, chúng tôi đã an giấc điệp, duy chiếc tàu André-Lebon thỉnh thoảng kéo neo ra khỏi bến.

Tàu chạy ngang biển-cả Thiên-trước (*Océan Indien*) trọn bốn ngày trường, chẳng thấy đất bờ là đâu, chỉ thấy chơn trời mặt biển. Bây giờ chạy thẳng hướng-đông qua hướng tây, cho nên mỗi ngày phải dằng đồng hồ chạy trễ lại chừng vài chục phút.

Dọc đường thấy một hai cái ống khói tàu khác ở xa xa, có khi cũng gần một bên. Đó là nhắc ta nào có phải một mình ta vượt biển, cũng chẳng cách xa người thế dường bao, đâu đâu cũng có người có vật.

Cá chim, cá mập đương ở an quốc-thủy, vì bị hai chơn vịt tàu làm náo động, nhào lên lộn xuống, vẹt nước rượt theo, một chặp lại ngấm đi, mà có lẽ nghĩ giận thầm rằng: Loại nào cả gan coi loài thủy-tộc dường không, lại có tài lội lẹ như tên, kêu nghe tợ sấm.

Trời thanh gió lặng, mà một đôi khi mặt biển cũng có chút long lanh. Mấy ai muốn cho biển lặng như tờ chẳng khác đổ dầu trên mặt được ? Làm sao cũng có khi êm khi động.

Trời êm thì dưới tàu còn vui, mặt nước có long lanh thì bộ-hành cũng mặt châu mày ủ, nhứt là đờn-bà, miễn thấy có sóng dợn thì mặt liền đổi sắc, trơ mắt nhìn nhau, tay ôm bụng, vuốt ngực, có người lại nhăn mặt nhíu mày rồi chạy cận bên lang-cang tàu phòng có tuông (chẳng phải tuông đồ trong túi đa) đồ trong bao tử ra cho cá ních !

Tuy vậy, sóng gió chẳng bao nhiêu, ở dưới tàu bình an như ở trên bờ một cách. Cho nên tục diêu ta nói « *Tháng ba, bà già đi biển* » thì chẳng sái, vã lại nhiều người đã từng biển giả, cũng nhận là lời phải. Mà hẳn thật, tháng tư Langsa trúng với tháng ba Annam, cho nên là lúc thiên hạ đi tàu đông lắm.



IV. — Colombo

Ngày 8 Avril, trời vừa rạng đông, chúng tôi đã lo thức dậy rồi, vì biết trước, lối 5 giờ sáng, thì tới Colombo. Sương sa, thấy tăm tăm trong xa nhà cửa lầu đài trước còn mờ mờ, lần lần tỏ rõ. Tàu chạy gần một đôi chiếc tàu khác trong cửa ra khơi, cũng có chiếc ngoài khơi sắp vào hải-khẩu.

Ngừng lại đoạn, anh hoa-tiêu bước lên cầm bánh đem tàu vô vũng đậu lại cận hai bực-thạch lớn kề nhau, là nơi khuất gió.

Coi như hình cửa Colombo giăng hai tay ôm rước vào lòng tàu lớn tàu nhỏ, ghe chài, ghe lưới, hầu cho khỏi sóng ngoài khơi hẩm hẩm muốn nhận.

Chiếc André-Lebon cột chặc vào trái-nổi vừa xong, ghe thuyền bu lại đầy đoàn, tiếng người nghe rộn rực. Trước hết là tàu nhỏ của sở Tuần-thành ra xét giấy thông-hành những người lên Colombo. Kế tàu nhỏ của Hảng MESSAGERIES MARITIMES ra rước bộ-hành (mỗi 2 giờ ra rước một lần). Kế đoàn ghe hai chèo ra rước đưa bộ hành (ai nóng-nảy lên bờ cho mau, thì mướn ghe ấy đưa vô, vì đợi tàu của Hảng thì lâu lắm) ; sau hết là mấy chiếc xà-lan (chalands) lớn vận than, nước-đá, nước ngọt cho tàu.

Tại Colombo có một mối tàu chạy Pondichéry và Calcutta.

Có lời rao cho hay 9 giờ tối (ngày 8 Avril) thì tàu khởi chạy lại, cho nên chúng tôi dùng điểm tâm vừa xong, vội vã xuống ghe đưa vào bờ. Ghe ghé lại một cái bến đò (*débarcadère*) có hai tầng, có nấc thang, lại có lợp nóc coi lạ thế. Cũng như mấy bến tàu khác, thì tại đây cũng có bọn người đổi bạc thủ lợi rất to, bởi nhờ bộ-hành bươn-bả đổi lấy bạc bổn xứ cho mau hầu tiêu dùng trong giây lúc. Chúng tôi đổi lấy *roupies* (ngày ấy một roupie giá bằng ba quan). Trả cho ghe đò đưa vô mỗi đứa 25 xu (100 đồng xu một roupie).

Những nơi nên đến coi cho biết tại Colombo là cảnh Kandy, núi Lavinia, chùa Kelani lâu đời hơn hết tại cù-lao Ceylan. Tốn tiền mướn xe-hơi chừng 30 roupies, thì đi viếng khắp cả châu thành Colombo, ngao-du mé biển, lên núi Lavinia xa 12 cây số. Nhưng mà chúng tôi thích đi Kandy hơn, vì là nơi thú vui cảnh đẹp. Kandy ở trung-ương cù-lao Ceylan. cách xa Colombo 72 dặm, (độ 130 ngàn thước.)

Vùa dề chơn lên bờ, tụi xe hơi bu lại đứa thỉnh đứa mời như trên trời quạ bay có đoàn, kêu la nghe in ỏi.

Mấy tay cầm xe đưa bản đi du-sơn cho chúng tôi coi cùng thỉnh mời tở mở. Hềm vì đường lên núi dặm xa, lại nhiều nơi u-nhàn sầm-khuất, cho nên phải cẩn thận đề phòng, e hoạ đến bất kỳ, mà nơi đất người chẳng dễ vậy. Bởi đó, chúng tôi hỏi giá cả đành rành, coi xe tốt xấu dường bao, nhắm tướng diện mấy cậu cầm xe dữ lành bao nả rồi mới dám đi. Lựa được một cái xe « Studebaker » 35 mã-lực, bánh xe dự bị sẵn phòng, giá và đi và về là 100 rupies, nhầm 300 quan (cắt cổ chưa...)

Lên ngồi yên chỗ, xe mở máy ruồi dung, anh cầm bánh bóp kèn nghe điếc ốc, chạy theo các nẻo châu thành, khỏi mấy chỗ nhà người Âu, đến xóm người bổn-thổ. Hết phố-phường, trại-xưởng, kế thấy nhà trệt của dân Cinghalais. Dưới đường, người qua lại đông dường chợ nhóm.

Chạy chung, chạy lộn với xe diễn-khí, xe ngựa, xe kéo một giây thì đã ra ngoại châu thành, đến một đại-kiều (cầu lớn) kêu là « Victoria Bridge ».

Bây giờ đã tới xóm nhà quê, mặc sức tuôn máy cho xe bay trên con đường trống. Bụi bay bích mắt ngột hơi, bởi có xe khác đương chạy như giông đàng trước.

Con đường ấy độ 40 dặm dài, dốc đứng như thang, lộn quanh như hình rắn lội. Hai bên thì vườn dừa, vườn cau, vườn trà, vườn cau-xa sum sê thạnh mậu. Xóm làng bổn quốc ở kế nối nhau giăng giăng, cho nên cảnh thật là ngoan mục.

Càng tới thì dốc càng cao, nhiều khúc xe phải sang số 3 số 1 mới « trèo » lên nổi.

Chàng sốp-phơ cầm tay bánh tỉnh tuồng, chẳng thấy dấu nao : khi sang số cho xe xuống lài lên dốc, lúc bẻ bánh qua, chận máy, qua vịnh ôm doi.

Ngồi trên xe, nhắm cùng tứ hướng, thấy cảnh xinh mắt ngó chẳng nhàm. Càng lên cao, cảnh càng thêm đẹp. Tư bề có hoa thảo mộc sum sê tiếng đồn chẳng sái.

Truyện biên-ngôn (*légende*) nói cù-lao Ceylan nầy (là nơi trà ngon đệ nhứt) là « ĐỊA-ĐÀNG ».

Nếu xe còn lên nữa, thì còn thấy tăm tăm một đảnh núi cao chớn chở, ấy là đảnh núi Adong (*Pic d'Adam*). Còn một đảnh núi khác, có lẽ truyện biến-ngôn cũng cho là chốn phật Bù-đà ở thuở nọ.

Một chập nữa đây, khi xe đến Kandy, thì còn một nơi thiên hạ tin tưởng là « *Vườn Địa-đàng* » của ông Adong, bà Evà là tổ tông ta ở.

Mà chẳng vội chi mau tới cảnh ấy, ở đây cũng đủ toại lòng. Nầy cỏ hoa tốt tươi đua nở, bát ngát mùi thơm, nọ tùng cao cổ thọ, diềm dà tàn che mát đất.

Ngó lên thì một dãy cao chất ngất, dòm xuống lại đầy những hố thẳm vực sâu. Coi lại là mấy nơi ở dưới triền xe mới lên khi nãy.

Dòm thấy vực thẳm hố sâu mà kinh tâm, chóng mặt, thêm một nỗi con đường xe chạy cheo leo chẳng khác như treo ngang vực ấy. Thoảng như chàng cầm xe vô ý một tý tý, ắt cả xe cả người phải ra manh. Bởi đó cho nên, mới có bản dặn chừng : « *Chạy chậm* ».

Ở chốn non cao rừng rậm, gió mát trời thanh, thiệt là khoẻ khoắn vô hồi, chẳng thua chi gió biển. Song nghĩ lại đường đi hiểm trở mà giực mình. Song le có sợ mới có vui cho.

Xe đi một đỗi, thấy xưởng ướp trà, xưởng nấu cao-su, xóm nhà nhỏ nhỏ với trạm xe-lửa đi Kandy.

Vốn là có đường xe-lửa chạy từ Colombo cho đến Kandy, nhưng tôi chẳng rõ chạy ngả nào, và làm sao lên nổi dốc. Tôi rõ một đều là nếu đi xe lửa thì mỏi mệt nhiều, vì chạy trọn 4 giờ mới tới chốn.

Xe hơi của chúng tôi chạy trọn ba giờ, tới Kandy thì đúng ngọ.

Thành Kandy nhỏ mà vui, đẹp, có vài cái nhà hàng của người Âu. Ngộ hơn hết là cái hồ với mấy cái nhà hứng gió (*villas*).

Xóm dân bổn-thổ ở cũng vui, nhơn-cư đông đảo, mặc quần áo màu nầy sắc nọ.

Còn một cảnh chùa thờ răng Phật (*Temple de la Dent de Bouddha*) cũng nên đến coi cho biết.

Họ thả voi nhà đi ngều nghền cùng châu thành, khách viễn-phương mới thấy, cho là lạ mắt.

Chúng tôi vào giải khát trong một cái nhà-hàng « Queen's Hôtel » sắp đặt theo kim-thời, có máy (*ascenseurs*), đem lên lầu khỏi phải đi thang, và quạt máy.

Rửa mặt, phủi bụi áo quần đoạn, chúng tôi dùng chút rượu khai-vị và ngồi lại dùng cơm bồi đã một bàn dọn sẵn.

Ôi thôi, mồ tổ ôi ! mấy tay dọn bàn khó chịu quá, dẫu từ nan cho mấy, họ cũng kèo nài để cho được một dĩa bơ (*beurre*) cùng nhiều thứ gia-vị khác một bên dĩa mình đặng ăn chung với đồ ăn khác.

Mình ăn vừa hết một dĩa thì họ lật đật thay dĩa khác, dao khác, nỉa khác, luôn luôn như thế, Thật là kẻ dư công mà cũng chẳng sợ nỉa mòn dao lụt.

Khi dùng cơm rồi, sắm sửa ra đi dạo phố phường rồi lo trở lại Colombo.

Mấy gả dọn bàn thiệt là kỳ-cục quá. Mình đi tới đâu nó cũng bu theo bợ đỡ chuốt ngót. Chưa tới chỗ rửa tay, nó đã

mở vòi nước rồi. Uống cà phe vô chưa khỏi cổ, thì nó lấy nón lấy gậy trao cho mình.

Mà độc-giả chư quân phải biết, nếu nó cần mẫn với quan-khách dường ấy, chẳng qua là chủ-ý kiếm tiền « Hụi ». Nếu chư-vị làm lơ không « Lì--xì » chút đỉnh, thì tất nhiên nó mở miệng xin liền, không khỏi.

Tệ bấy! trong một nhà hàng lớn như thế mà làm thói ăn xin cách ấy, thật là nhục lắm. Song le nói cho phải, mấy gả ấy làm chùng lén, chủ nào hay biết tới. Xét lại thì cũng phải, đâu đâu cũng vậy, hễ ra đường mà không tiền thì không người điếu-đãy.

Chúng tôi lên xe trở về Colombo. Vườn « ĐỊA-ĐÀNG » mà tôi đã nói đoạn trước, thì cách xa Kandy bốn dặm. Nghe nói còn một cảnh vườn khác tốt hơn vườn nầy nữa, song tôi chẳng nhớ tên mà cũng quên chỗ nữa.

Có lẽ vườn Kandy có nhiều thứ thảo hoa tốt lạ lắm. Tôi nói có là vì nghe nói, lại bỡi không đếm từ cây hay là được số mà nhớ cho đủ được.

Lại cũng nghe nói có lẽ vườn « PERADENYA GARDEN » nầy, là chốn của ông Adong bà Evà ở, là hai ông bà mà đã chơi « trác » chúng ta phạm nhằm trái cấm đó đa chư tôn!

Tức tôi thay! hồi đi viếng cảnh vườn xinh đẹp nầy, quên lửng, không nhớ kiếm mà coi, « cây trái-cấm » khốn nạn ấy ra làm sao, là cớ các sự gian nan khốn khó chúng ta phải chịu thuở nay, phải chịu bây giờ và đời sau nữa.

Tôi rất tiếc chẳng được như mấy đấng thi-nhân hầu toả ra cho đủ những sự xinh đẹp thiên nhiên, trong cảnh vườn nầy, như sân trồng cỏ vắn mênh mông xanh thẳm, cội cả tàng cao với đường đi chẳng khác như một lằng lụa đỏ trải qua giữa đám cỏ xanh vậy.

Thấy cảnh xinh xem chưa mảng nhãn, ra về còn tiếc, song ngặt đường về Colombo hãy còn xa, phải lo trở lại kẻo trễ giờ

tàu chạy, vì đã 2 giờ rưỡi rồi, rủi xe chết máy hay là nổ bánh giữa đàng, ắt là tấn thối lưỡng nan hai lẽ đó.

Chuyến về thì xe xuống dốc luôn luôn, cho nên cây siết thắng (frein) tay chẳng hở. Tới mấy khúc quanh co như cánh chỏ, phải đề cho xe chạy chậm như người đi từ bước.

Bận về thì cũng như bận đi, chẳng có đều chi lạ khác, vì cây cối, nhà cửa, đường sá, núi khe cũng còn y nguyên, không ai dời đổi chi cả....

Về tới Colombo thì đã 6 giờ tối, thiên hạ dập dều, nam thanh nử tú, vì nhằm giờ đi dạo.

Trả tiện xe rồi chúng tôi vào nhà hàng giải khát. Đi đường xa mỏi mệt, gặp một ly rượu có nước đá, thật là khoái thấy trời xanh... ..

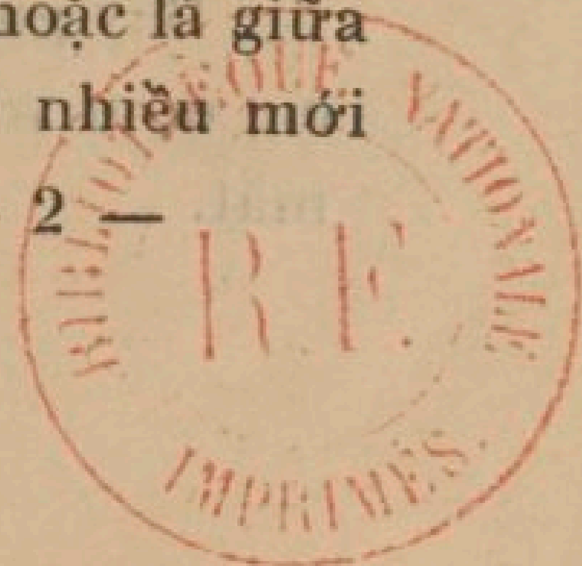
Mà quá ngặt ! mấy tay dọn bàn cũng tiếp rước niềm nở, bợ đở một cách thái quá chịu không nổi. Trước thì bị tụi bán hình, bán đồ ăn, bày giờ bị mấy thằng bồi cũng như bị ôn bị dịch. Song le cũng rán chịu với bọn nó cho qua buổi cho rồi, đặng đi dạo châu thành một chút nữa trước khi xuống tàu.

Bận trở ra tàu cũng đi bằng ghe.

Nói qua đây, tôi xin khuyên đồng-bang khá cần thận, phải coi chừng tụi chèo ghe, nhứt là ban đêm lúc tàu sắp chạy. Vì đâu đâu cũng thế, quân ấy là quân bất lương, miễn có hơi đồng, thì chẳng màng chi mạng thế.

Ban ngày thì vô sự, duy ban đêm thì sự tuần phòng ơ hờ lắm (lẽ gì ban đêm phải nhặt nhiệm hơn mới phải), cho nên những « bợm-bãi » dễ ra nghề, nhứt là những khách viễn-phương thường bị chúng nó, bởi chẳng biết tiếng Hồng-mao cùng tiếng bổn-thổ.

Bọn ấy đem mình ra giữa vũng (*rade*), rồi mới ra tay. Ban đầu làm bộ không hiểu mình nói đi gì, chèo quanh chèo quần cho dã thèm, rồi lựa những nơi vắng vẻ, hoặc là giữa biển không có ghe tàu qua lại, đoạn đòi tiền cho nhiều mới



chịu đưa mình ra tàu. Nếu không trả y số chúng nó đòi, thì nó nhăn răng ra, thấy mà mất vía, chẳng cần đợi nó ra tay. Nếu mình trả y số bạc đòi thì thôi, trừ ra ai có đem súng lục liên (súng-sáu) theo mình, hay là biết võ nghệ thì hoạ-may, mà nào có chắc gì với quân « cố-cùng ». Thà biết trước mà đề phòng thì hay hơn.

Tôi cũng khuyên chớ khá mua vật chi của bọn mua bán dưới cầu tàu, hoặc là ngoài đường, hoặc trong tiệm nơi mấy chỗ tàu ghé, vì những khách tha-hương chẳng hề khi nào khỏi bọn ấy ăn gian gạt gẫm.

Bởi đó, khi ở Saigon, hãy đồi bạc cho sẵn mà tiêu dùng theo mấy cửa tàu ghé (*escales*).

Đồi lấy đồng *dollar* mà xài tại Singapore và Penang, *rupees* tại Colombo, đồng *francs* và *shillings* tại Djibouti và Port-Saïd. Tới Port-Saïd thì xài nhiều thứ bạc, mà phần nhiều là bạc Hồng-mao hay là bạc Ai-cáp (*Egypte*).

Đồi cho đủ các thứ bạc rồi, thì tới đâu cũng khỏi mất ngày giờ, mà cũng khỏi bọn đồi bạc lường gạt nữa.



Khi dùng cơm rồi, chúng tôi lên sân tàu nằm hóng gió mát, ngó vô thấy trong thành Colombo thiên hạ còn lao xao nhộn nhàn, đèn còn sáng rỡ.

Còn đương nghe tiếng mái chèo bổ sạt sạt hai bên hông tàu cùng tiếng máy quây hàng nơi mấy chiếc tàu khác, bỗng kiểng dưới tàu André-Lebon đổ : ấy đã tới giờ tàu chạy.

Ai chẳng đi thì lập tức trở lên. Chiếc André-Lebon chậm rãi ra khỏi hai bực thạch.



Bây giờ tàu đã ra khơi, tư bề thấy biển tối đen như mực, mà dòm vô thành Colombo, thấy đèn còn lờ mờ, lần lần khuất mất.

Dưới tàu sau trước lặng lẽ như tờ, bộ-hành vì ban ngày đi chơi mỏi mệt, ngủ ngon như chết giả.

Nhớ lời Đ. C. Giêgiu phán : « *Tao sẽ đến như kẻ trộm* » mà hãi hùng, vì chúng tôi mới thoát khỏi một nạn to.

Số là tàu ra khỏi cửa Colombo chạy được chừng 3 giờ đồng-hồ, chẳng rõ duyên cớ bởi đâu, lửa phát cháy tại hầm than, lần lần luồn lên tới phòng ăn hạng nhứt. Bè bạn dưới tàu đều thức dậy cả. Cho ống bòm lấy nước vào.

Khi ấy, quan Cai tàu, hai ông quan sáu với mấy ông quan võ cùng bè bạn dưới tàu lấy hết thần lực mà chữa lửa, song le nhắm thế chẳng kham, cho đến đỗi quan Cai tàu phải ra lệnh cho tàu chạy trở lại Colombo.

Tàu chạy thả-máy trọn một hai giờ, coi dường một thế-kỷ, lửa mới hạ lần.

Lửa tàn rồi, tàu mới trở mũi chạy qua Djibouti.

Phần nhiều bộ hành dưới tàu ngủ ngon một nước, không hay biết chi sốt. Mà cũng may, nếu cả hành-khách thức dậy hết ắt là rối rắm lộn xộn, khó bề chữa lửa.

Hoả-hoạn là một tai hoạ rất to, tàu nào dầu cơ-xảo và đề phòng cách mấy đi nữa, cũng phải lo sợ, vì dưới tàu lửa phát ra bởi nhiều cớ không rõ tại làm sao : hoặc dưới hầm nóng hầm quá, hoặc là dây diển-khí cọ nhau, hoặc là sơ-ý chi chi đó, kể chẳng xiết.

Cám ơn quan cai tàu đêm ấy ra tay chữa lửa như một tên lính hèn, mà cứu mấy trăm sanh-linh khỏi nạn. Cũng bởi nhờ ngài gan dạ, tỉnh táo và có trí định liệu lúc hiểm nguy. Nhứt là đội ơn Chúa đã cứu chúng tôi khỏi chết một cách gớm ghê là chết thiêu, còn bị chết đắm.

Tôi nhớ đến lúc lửa cháy rần rần giữa biển, thì cả mình tôi nổi ốc. Nghĩ lại chừng nào, lại càng kinh khủng hãi hùng hơn, khi tôi suy nếu sự rủi-ro ấy kết quả như sau nầy.

Thoản như chữa hết sức không trừ nổi lửa, bắt cháy rần

rần cả tàu, kế nổ ra một tiếng, vân vân.... Đoạn bao nhiêu những kẻ ở dưới tàu đều phải chìm tột đáy biển sâu trót 5000 thước.

Chúa ôi ! ngủ trên giường, nệm cao một chống, ấm áp biết bao, mà khi phải thức dậy thình lình hoảng hốt, lại nằm đáy biển là mồ khôn dò tới được, là nơi chứa muôn vàn đều bí-nhiệm. Vật chi vô phước phải rơi xuống, nào trông trả lại !

Còn sự phải thức dậy mà chịu phán xét nữa. Ôi càng hãi hùng kinh khiếp hơn. Lạy Mẹ nhơn từ, con rất nên run sợ, chẳng dám nhớ đến.. ...

Khi ấy, tôi phải xét mình làm sao ! ! ! !

Nào có chắc gì đâu, mà khi mới ra đi tại Saigon, lại gọi chiếc André-Lebon là một cái « thành-nồi ».

Hiện nay tôi chẳng gọi ở dưới chiếc tàu lớn dường nầy mà được vững vàng đâu ! Nhứt là nay tôi mới rõ loài người mỏng giòn yếu đuối là dường nào !

Tôi xin bỏ qua việc rủi ấy mà lo cám ơn Chúa. Sẵn dịp ngày sau có một lễ làm dưới tàu nhằm ngày Chúa-nhựt 9 Avril, chúng tôi chầu lễ mà đội ơn Chúa hết lòng, vì đã cứu chúng tôi khỏi chết.

Số là nhờ có cha Couvreur, là cha giữ việc hội Giảng-đạo tại Singapore đi cùng chúng tôi một tàu. Dầu bên đạo dầu bên đời, dầu trong nhà-nước Hồng-mao như trong nhà-nước Đông-pháp, ai ai cũng biết cha, và mến phục cha nầy. Vã lại cha là bạn thiết với Đức cha Mossard (Đức cha Mão), Giám mục Saigon đã tạ thế. Có lẽ chư-vị hãy còn nhớ cha Couvreur với Đức cha Mão là hai đấng đã làm lễ đặt đá lúc mới cất nhà mát tại Dalạt (Annam).

Lúc tôi ra đi, Đức cha Quinton, đương kim Giám-mục Saigon, huệ cố trao cho tôi một lá thơ gởi gắm tôi cho cha Couvreur. Bởi đó cho nên, tuần lễ sau, khi cha dạy tôi giúp lễ thì tôi vui mừng là ngần nào.

Mà rủi cho tôi thuở bé đến giờ chưa hề được ơn trọng giúp lễ lần nào cả. Thiệt là ơn trọng, vì chưng giúp trong sự tế lễ làm cho hình bánh hình rượu trở nên Mình thánh Máu thánh Chúa mà chẳng trọng vọng hầu làm sao.

Bởi không biết giúp lễ, không thuộc kinh giúp lễ, tôi phải mượn sách của mấy bà phước ở Shanghai đi chung một tàu, mà học. Tôi chẳng dấu chi độc-giả, tôi mảng lo học cho thuộc mà quên ăn quên ngủ.

Sáng ra, chúng tôi dọn nơi phòng-khách (*salon*) của bộ-hành hạng nhứt, một cái bàn thờ tạm. Có dán giấy rao dưới tàu cho ai nấy biết 8 giờ thì khởi sự làm lễ.

May cho tôi biết chừng nào. Cha Couvreur đương dạy tôi giúp lễ, bỗng có một người Ấn-độ (Indien), làm quan giúp việc nhà-nước Hồng-mao, đến xin ra mặt (ông quan văn nầy xuống tàu tại Colombo). Ông xin phép cha Couvreur mà rước lễ (ngày ấy là ngày Chúa-nhựt lễ-Lá) và giúp lễ nữa, vì ông nói rằng thuở ấu xuân làm học trò giúp lễ cho các cha luôn luôn.

Tôi mầng rỡ bội phần và xin nhường ơn trọng giúp lễ lại cho ông quan ấy, chẳng phải là hổ thẹn chi chi, song le sợ giúp « không nên thân », thà nhường lại cho người thông thuộc.

Tôi vui lòng mà tỏ tình kính phục ông quan nầy đã làm một gương gan dạ và nhơn-đức cho những kẻ mang lấy bịnh ngặt nghèo vô-trị, là bịnh « Sợ tiếng người ta nói » (*respect humain*).

Đúng 8 giờ, trong phòng-khách, đờn bà, đờn ông, đông nhi chật cứng, chẳng khác như trong một cái nhà thờ giàu có kia vậy.

Ai nấy, trang điểm rất xinh : kẻ thì y-phục võ binh lon vàng sáng rỡ, có kẻ thì ngôi-sao, thẻ điều nơi ngực.

Cha Couvreur giảng một bài đoạn bước lên làm lễ.

Thấy ai nấy lẳng lặng chăm nghe bài giảng, như trong nhà

thờ chốn viện-tu, dầu ai gan chì phổi đá cũng phải động lòng, trở nên sốt sắng. Hản vậy, chầu lễ dưới một chiếc tàu, tư bề mêng mông đại hải, chẳng nghe tiếng chi khác hơn là tiếng máy tàu chạy, mà chẳng động lòng sốt sắng sao?



V. — Việc ở ăn dưới tàu

Như tôi đã nói đoạn trước, ngày ra khỏi cửa Colombo nhằm buổi chiều thứ bảy 8 Avril.

Từ đây, tàu chạy trọn một tuần lễ mới tới Djibouti. Tuy là đường dài mà đi bình an, vì trời thanh biển lặng, cho nên cảnh ngoài biển nhiều nơi lạc thú, nhứt là lúc ác-tà chen lặn, hay là đêm xuân, ả-hằng ra mặt, rọi xuống lằn tàu chạy, làm cho ánh bạc đua nhau chìm chìm nổi nổi.

Chẳng có tiết nào đi tàu vui cho bằng tiết nầy.

Đường đi hãy còn xa mới tới Djibouti. Vã lại giữa biển khơi, chẳng có đều chi lạ nên biên, tôi xin thừa lương, chép lại những sự ở ăn dưới tàu, mòng có thế giúp đồng-bang đọc chơi cho biết vậy.

Đoạn đầu hết, tôi có nói trước khi đi phải lo trước đôi ba tháng, hầu cho có phòng sẵn mà đi.

Hiện nay, giá tiền quá giang đi Tây như sau nầy:

Hạng nhứt	7000	quan	
— nhì	5000	—	
— ba	2600	—	
— tư	1350	—	(ở trên sân tàu)

Đi hạng nhứt, thì sung sướng mọi bề. Phòng có hai ba giường nằm. Có máy xuống lên khỏi đi thang (*ascenseurs*). Phòng ăn chẳng thua gì nơi các nhà hàng lớn. Có phòng chơi nhạc (*salon de musique*) đờn piano, có phòng để uống rượu

và hút thuốc (*fumoir-bar*) có sân để hóng-gió, có nhà hát hình cho con trẻ coi.

Giá phòng hạng nhì rẻ hơn giá phòng hạng nhứt không bao nhiêu, mà sự giản-tiện kém xa quá đỗi.

Vã lại hạng nhì có phòng có tới năm giường nằm (*couchettes*). Nếu nhiều bộ-hành ở chung một phòng thì bất tiện nhiều bề, e chẳng ai thuận hạp cùng ai. Phòng cũng khoảng khoát, rộng-rãi, sạch-sẽ chẳng kém xa phòng nhứt bao nhiêu, duy thua là còn thiếu một cái tủ-kiến như phòng nhứt mà thôi.

Phòng ăn hạng nhì cũng rộng, nhưng mà phòng khách (*salon*), phòng uống-rượu hút-thuốc thì hẹp hòi thấp thỏi lắm. Còn sân để hứng gió thì có hơi chật hẹp một thí.

Hạng ba thì có vừa đủ những đồ dùng cần kíp mà thôi.

Nói gì hạng tư thì ở trên sân (*pont*). Không có giường mà ngủ, đâu có tới phòng ăn với phòng để nhảy đầm. Hạng tư thì để cho binh-lính cùng những kẻ tiên-kỳ của bộ-hành mấy hạng trên.

Nói tóm một đều, phòng (*cabines*) thì sạch-sẽ giản-tiện. Giường một người nằm thì mỗi buổi sớm mai có bồi thay đồi dọn dẹp, có bồn rửa mặt, có nước thường thường ngày đêm. Có máy riêng dễ thổi hơi gió vào phòng cho mát. Tuy vậy, cũng còn hầm nực. Cho nên bộ-hành ai cũng đem theo hay là mướn riêng một cái ghế dài để trên sân tàu nằm cho mát mẻ. Mướn ghế ấy của Hảng Nhà-rồng mỗi cái 20 quan.

Ai muốn mướn một cái tủ nhỏ nơi phòng quan Cai tàu mà đựng của quí riêng, như tiền bạc, vòng vàng, thì phải trả 10 quan tiền trọn một tháng đi đường.

Có dán lời rao định giờ ăn cơm.

Trước khi ăn, rung chuông hai lần, mỗi lần cách nhau 15 phúc, cho bộ-hành hay mà sắm sửa điểm trang tựu lại phòng ăn.

Từ 9 giờ sớm mai cho đến 9 giờ tối, hành-khách muốn lên sàn tàu phải ăn mặc tử tế.

Buổi sáng, khi dùng cà-phe hay là chocolat, thì được mặc đồ mát (*mauresque*).

Ai mệt thì biểu đem đồ ăn vào phòng của mình, khỏi tới phòng ăn chung.

Đồng-hồ dã chỉ 4 giờ chiều, chuông đồ kêu bộ-hành dùng bánh, nước-trà cùng sữa (goûter)

Tôi xin biên dưới dây những món dọn ăn của phòng HẠNG NHỨT cho khán-quan coi cho biết ;

Buổi ăn tối.

Ox tril soupe.
Darne de Saumon à la Royale.
Còtelette d'agneau Navarraise.
Cailles aux raisins.
Riz des Indes.
Dindonneau ròti.
Salade Rachel.
Cardons Côte d'Azur.
Bombe Nesselrode.
Gâteau sablé.
Crème de Hollande.
Ananas — Pommes Reinettes.
Café — Vin rouge à discrétion.
(Đọc qua, cũng đủ thèm nhều nước miếng)

Món dọn ăn phòng HẠNG NHÌ.

⁂

Buổi ăn trưa.

Hors d'œuvre — Thon mariné.
Salade betteraves et pommes.
Cnochi à la Romaine.
Irich-Stew.
Longe de porc rôti.
Purée Bretonne.
Fromage de Hollande.
Ananas.
Café — Vin rouge à discrétion.

(Nhiều món tên lạ kỳ, đủ thứ xứ, đọc mà điếc tai)

Không thiếu món gì, cũng chẳng thiếu chi thứ tiếng, tiếng tây có, hồng-mao có, italia có, tôi không hiểu gì hết, chớ ngồi lại bàn, tôi chẳng thua ai !

Ăn uống dưới tàu sung sướng lắm ; mà tiếc vì thịt nhiều mà rau cá thì ít.

Nếu khát nước thì có chỗ bán đủ thứ rượu.

Nếu có « khó-ở » se-da thì có lương-y, có người nuôi bệnh, cho thuốc khỏi tốn tiền.

Bằng muốn diện cho tốt, cũng có phòng hớt tóc.

Muốn gởi tin về nhà, thì có vô-tuyến-diện (dây thép gió sẵn dưới tàu.) Cho nên tuy là ở giữa biển, chớ ngày nào cũng có được tin khắp các nơi như ở trên bờ vậy.

Mỗi ban trưa, có một tấm bản đề biên cho bộ-hành coi, tàu đi tới đâu và đường đi cách 24 giờ rồi được mấy dặm. Nói tắt một lời, tuy vân ở dưới tàu, mà chẳng thiếu chi, thiếu chăng là còn thiếu xe-lửa với xe-kéo mà thôi !

Tôi xin chỉ một ít đều có lẽ giúp ích cho những ai muốn đi tàu, vì trong « Lời-rao » của Hảng Nhà-rồng không nói đủ.

Đi có lại (và đi và về) trong hạng sáu tháng hay là một năm thì giá tiền tàu sụt được từ 15 đến 20 mỗi trăm (15 à 20 %).

Người Langsa có bốn đứa con còn sống, mà dưới 18 tuổi, thì tiền quá-giang bớt được 40 mỗi một trăm (40 %).

Con trẻ dưới 3 tuổi, khỏi trả tiền tàu. Còn lớn hơn thì xin coi « Lời-rao » của Hảng.

Lệ phải thưởng riêng người đầu mục coi việc ăn uống dưới tàu (*maitre d'hôtel*) và mấy người dọn bàn, dọn phòng nữa.

Những rương nhỏ thì đề trong phòng của mình được, trừ ra rương lớn thì phải đề tại « *Prévoyance* », là phòng riêng đề đồ hành-lý, ban ngày thì mở cửa luôn ; hay là đề dưới hầm (*cale*) ngày tới bến mới mở cửa.

Tôi kể những đều cần kíp nên biết mà thôi, bằng ai muốn

rõ hơn nữa, xin đo nơi phòng việc hảng Nhà-rồng (*Messageries Maritimes*).

Giày dơ thì đầu-hôm phải để trước cửa phòng, sáng ra có người lau chùi, đánh bóng, mà khỏi trả tiền.

Muốn giặt quần áo thì phải trả tiền riêng cho tàu.

Từ Saigon cho tới Port-Saïd và từ Port-Saïd tới Saigon, thì thường mặc y phục trắng, tùy theo mùa tiết.

Có kẻ mặc đồ Smoking hay là đồ nĩ đen lúc dùng cơm tối.

Sau hết, bất tất là giờ nào, muốn tắm thì sẵn có phòng rộng rãi sạch-sẽ (đừng nhảy xuống biển mà tắm đa), có đủ nước ấm, nước lạnh, mà... đều... mặn. Tắm rồi lại có sẵn một bồn nước ngọt để giội nước mặn đi nữa.

Nhiều kẻ phàn nàn rằng, ở dưới tàu tồi túng, buồn-bực muốn chết, chớ tôi tương có nhiều cách thế giải khuây, mà có khi vui hơn ở trên bờ nữa. Là lên sàn đi tới đi lui cho tiêu khiển. Ăn uống có giờ có khắc, có độ có lượng, để cho ta dưỡng lực (đừng dưỡng vóc) hơn là ở trên bờ.

Về phần trí-hoá thì viết thơ cho kẻ ở nhà, biên ký việc đi đường, đọc sách hay là coi những quyển sách nói về những cửa, những xứ tàu ghé ngang đó. Bởi đó cho nên, trước khi đi, phải kiếm cho đủ cuộc tiệc đi đường. Nhờ vậy mà lúc ở dọc đàng, lúc tàu ghé, ta thông rõ đường đi nước bước, phong tục cửa mỗi xứ, khỏi trái chơn, bợ ngợ. Cho nên tục mới nói « Đi xứ xa, tất là đi học ».

Nói thêm nữa thì e độc giả chư quân nói tôi giảng. Có một cách giải khuây hay hơn hết ở dưới tàu là thừa lúc rảnh thò tay vào túi lấy chuỗi lần ra, lần hột riêng thì cái vui riêng ấy có chi bằng.

Những kẻ đồng-hành cùng tôi một tàu thì có đủ người các nước : các quan Langsa hồi cố-lý, mấy tay du-lịch Hồng-mao, Hi-lạp, I-đại-lợi, Norvégiens, Suisses, v. v ..

Cũng có học-sanh Chệc đi du-học bên Pháp, bên Anh, bên Đức (Đức là A-lê-măn, xin chớ tưởng là soạn-giả).

Cũng có phái-bộ Annam đi dự cuộc đấu xảo Marseille, học-sanh Annam, cùng ít người Annam khác đi du-lịch.

Tôi lấy làm hân hạnh mà nói được « *Annam đi du-lịch* » vì tôi hằng mong cho đồng-bang bắt chước người Âu, Mỹ, đi xứ nầy sang xứ kia chẳng những là cho đặng dồi mài kinh sử, song le cũng cho đặng biết người, biết vật. Vậy ta chớ còn dụ dự làm chi, thay vì trút bạc ngàn nơi trường đồ-bác là một mối hại to trong xứ Việt, thì hãy dùng mà đi du-lịch, là đều rất cần ích, chẳng những là cho một mình ta, mà lại cũng có thế bổ-ích cho cả đồng-bang.

Vì chẳng có sự chi làm cho con người mau mở mang trí hoá, và từng trải việc đời, thấy xa nghe rộng, bằng đi du-lịch.

Kìa, ta hãy coi số người phương Tây đi du lịch là bao nhiêu và ích lợi bởi sự đi du-lịch mà ra, rồi ta mới rõ dân mà muốn cho việc thương mãi, canh nông, kỹ-nghệ xứ mình được thạnh vượng, tấn phát thì cần phải du-lịch mà chớ.

Vậy, ở đồng-bang, hai tiếng « tranh-thương » hãy còn văng vẳng bên tai ta, thì bây giờ đều cần nhứt là ta phải đi du-lịch hầu có dịp giao thông cùng kẻ chuyên nghề thương mãi, dường ấy mới trông có thế mà thủ hồi quyền lợi.

Chưa gì, lúc còn ở dọc đàng, ta còn nghe nói về xứ nầy thành nọ, cữa kia, mà bấy lâu nay ta chưa hề biết, mà có khi ta cũng chẳng trông biết được. Song le ta nhờ làm quen, truyện vãn với những người ngoại-quốc cùng ta đi một tàu, mà ta biết một hai ít về phong thổ cùng việc tấn-bộ của các xứ lạ, lại cũng nhờ đó mà ta học được chẳng nhiều thì ít tiếng của người nữa.......

Sau hết, muốn cho ở dưới tàu chẳng kém thua trên bờ thì bày ra chơi nhạc (*musique*), hát, nhảy-đầm, số xổ tombola, lấy tiền giúp hội những vợ con mồ côi kẻ đi biển (*œuvres des gens de mer*).

Miễn là thấy một đều chi, vật chi, thì có chỗ giải khuây, có dịp cho ta vui cười, như thấy tàu nào khác, hay là gành

bãi, hoặc là cá chim đương bay, vân vân, thì xúm nhau đề ống dòm mà coi, rồi mặc sức bàn bàn luận luận.

Nhờ vậy mà ngày tháng qua như thoi, tới chỗ mà chẳng hay chẳng biết.



VI. — Djibouti

Tới Djibouti ngày hôm nay, 15 Avril, 5 giờ rưỡi chiều là ngày thứ bảy Tuần thánh. Trọn Tuần thánh tàu chạy ngoài khơi luôn luôn, chẳng ghé nơi nào cả, cho nên dễ cho ta tưởng gẫm đọc kinh trong tuần Thương-khó. Ở dưới tàu, không có lễ nhạc như trong các nhà thờ trên bờ mặc lòng, song le mỗi ngày Chúa-nhựt có lễ cho ta chầu cũng là thậm quí vậy.

Ai cũng trông cho mau tới Djibouti vì từ Saigon cho tới đây, chỉ có thành nầy thuộc về của Nhà-nước Langsa cai trị mà thôi.

Một người bộ-hành đi cùng chúng tôi một tàu có quen với một người Annam làm việc hảng tàu tại Djibouti, cho nên có đánh vô-tuyến-điện (dây thép gió) hồi tàu còn ở ngoài khơi mà xin một bữa cơm annam, kẻo đã lâu, nhớ mùi nước-mắm. Giá đánh dây thép gió mỗi tiếng là 1 fr 45.

Quan cai tàu định giờ nào, thì chẳng hề sai chạy. Đúng 5 giờ rưỡi chiều, tàu đã vào địa-giới Langsa, đậu xa xa bực-thạch vì tại đây cũng không có cầu tàu.

Chưa gì ghe tam-bản lớn (chalands) chở than, ghe chở nước-đá, thịt cá đem vận lương cho tàu. Ghe cũng đen, mà bọn chèo cũng đen như than hầm.

Đời bây giờ tàu chạy một giờ 14 gút (*nœud*), chạy trọn một tuần thì đã tới nơi, ta còn thở vắn than dài rằng, xa xuôi diệu vợi, nghĩ không rõ ông Christophe Colombo khi xưa cùng kẻ tùy-tùng người gan dạ và bền bĩ cách nào, hầu dám vượt biển đi minh minh mông mòng chẳng biết đâu là đâu, chỉ tới

đâu hay đó, lại đi bằng tàu buồm, phú cho sóng dồi gió dập, mặc tình đói no khát lạnh, cùng nhiều tai nạn khác.

Tại xứ nầy có mấy cậu « táo-lửa con con » có tài lội lặn xung quanh tàu chẳng thua loài rái, mà rao rằng : « Liệng 10 su dưới biển đi » (*Dix sous à la mer !*)

Nước biển trong xanh như biếc, hễ ai liệng xuống một đồng xu, một cắt bạc, thì lũ nhỏ ấy hụp xuống, chụp lại rồi trồi lên mặt nước mà khoe cho ta coi. Thiệt là có tài lội lặn dưới nước chẳng khác nào loài cá.

Bộ hành tới đây thì ưng coi lũ ấy lặn su lắm, cho nên su cắt vải xuống nước như mưa, « táo-lửa con » vui mừng lắm cũng là một cách sanh-nhai, mà ta có thế làm cho bầy trẻ ấy vui mừng, ắt ta cũng đặng đẹp dạ mà chớ.

Chừng cho phép trên bờ xuống tàu thong thả, thì một đoàn da đen xuống chật sân tàu mà bán cà-phe, bán hình giấy, cùng nhiều đồ trong bổn-xứ.

Để bọn ấy bán cho ai mặc thích, chúng tôi xuống ghe đưa vào bờ, vì còn sớm, đặng đi viếng thành-thị.

Thành Djibouti ở trước mặt tàu, ở dài theo bãi biển, nhà cửa sơn toàn bằng vôi trắng, kiểu vuông, nóc bằng, theo kiểu bổn-xứ. Có bờ-thạch, nhà máy nước, còn dinh quan Nguyên-soái, thì trên lầu phất phơ ngọn cờ tam-sắc.

Ghe chèo trong 6 phúc, cặp lại bực-thạch cho chúng tôi lên, trả mỗi người một quan chẵn. Có xe ngựa chực sẵn trên đường, mà chúng tôi chẳng đi, song thả bộ đi chơi cho thong thả, vì thành-thị ở gần một bên.

Xe xứ nầy thiệt là xấu tệ, chẳng khác như một cái thùng cây, nệm lọt thấy mà ghê, thêm con ngựa ốm tong như tàu chuối. Còn anh cầm-xe thì như cục than hầm, ốm nhách không thua gì con ngựa. Nói thêm một chút, bánh xe đã hết sức tròn, muốn ra vuông vức, chạy rầm rầm nghe điếc óc. Còn dơ dáy là khác.

Thành Djibouti nhỏ quá, coi như một cái làng to to ở gần

bãi biển. Ở chính giữa thì có một khoản trống, xung quanh khoản đất trống ấy, thì có một cái nhà-hàng, đôi ba cái nhà lầu của hãng buôn ; vì Djibouti là mối đường hàng-hoá các nơi ở trong, phải chở ra mé biển mà đem xuống tàu đi các xứ khác.

Có một mối xe lửa chạy ba ngày đường, dài 800 ngàn thước, đi từ Addis-Ababa là kinh-đô nước *Abysssinie*, thấu tới Djibouti.

Thổ-sản xứ Abyssinie chở tới Djibouti bằng mối xe lửa nầy, hoặc bằng lạc-dà, rồi mới vận-tải ra các xứ bên Tây, cùng các phương khác. Những thổ sản ấy, là cà-phe, trái chà-là, da thú, lông chim, vân vân.

Xứ Djibouti thì chỉ có ruộng muối mà thôi, cũng như tại Aden vậy. Xứ nghèo nàn, đất không sanh sản chi cả, thêm khô hạn nóng nảy, có nhiều khi nắng tới 45 độ. Một năm có một hai đám mưa nhỏ nhỏ là nhiều.

Thấy xơ rơ một hai cội cây, lá ủ nhành thưa, mà sống được cũng là có sức gì mới chịu nổi nóng nực xứ Djibouti.

Thành nầy kể được năm sáu trăm người phương Tây, trong ấy có 60 người Langsa.

Đi qua phía bên kia bực-thạch thì thấy một dãy nhà của người Âu, một hai cái nhà thờ, nhà đèn khí, nhà máy nước đá, với nhà máy nước, trạm xe-lửa, vân vân.

Kế đó thì xóm nhà người bổn-thổ. Còn trong xa nữa thì nhà cửa ủm thủm dơ dáy cất không hàng ngũ thứ tự, cũng không kiểu vở chi chi.

Đường lộ thì không lề không bờ, tư bề những cát. Còn dân chà Somalis thì da đen như lọ chảo, răng trắng như phao, ăn mặc lôi thôi lắm, thấy họ đi ngoài đường, tưởng là ở lối đời ông Môi-sen vậy. Dân ấy cứ ở một mực, không biết văn-minh tấn-bộ là chi. Biết ba tiếng Langsa quẹt lọ, mà nói nghe « bốp-chách » không biết đường đâu mà nghe mà hiểu !

Tội nghiệp thay cho con cháu dòng bị chúc dữ.

Nhờ có hai người Annam cư ngụ tại Djibouti dẫn đi dạo cùng thành phố, cùng đem ăn cơm tây trong một cái nhà hàng (Bởi tiếp được dấy thép trễ, lo cơm annam không kịp .

Gặp đồng-bang ở đất khách lạ người, cho nên mầng rỡ ăn uống vui vầy, chén thù chén tạc, làm bữa ấy tôi cũng vui miệng, nhậu khá khá. Ăn rồi mướn xe ngựa đi chơi, trả mỗi giờ là 5 quan. Đương trớn vui, chọc thằng đánh xe nói chuyện cười nôn ruột.

Dạo cùng thành phố đoạn, chúng tôi xuống ghe đưa ra tàu, coi lại đã gần nửa đêm, mà trên bờ hãy còn chở nước đá ra tàu nữa.

Dầu trời nóng nực, dầu máy quây hàng kêu nghe rầm rầm rột rột, dầu tụi cu-li la ó om sòm, chúng tôi cũng rán mà ngủ cho được, kẻo mệt quá lẽ. Chừng sáng ra thức dậy, thì tàu ra khơi được chừng một giờ rồi.



Hôm này là 16 Avril, là ngày Chúa-nhựt lễ PHỤC-SINH (*Pâques*)

A-lê-lu-da !.. A-lê-lu-da !...

Đúng 8 giờ ban mai, thì nơi phòng chơi nhạc (*salon de musique*) — tạm dùng làm nhà thờ — trong ngoài chật cứng. Ghế ở trong thì đờn bà ngồi đủ hết, còn đờn ông thì lớp đứng trong mấy góc, lớp đứng ngoài sân tàu mà chầu lễ.

Mấy bà-đầm điểm trang cả đẹp. Hai ông quan sáu y phục oai phong, nhiều kẻ noi gương hai quan tướng ấy mà đến chầu lễ đông đúc.

Cha Couvreur ngày ấy vui mầng hớn hở, cho nên bữa sau cha nói cùng soạn-giả rằng : « Đẹp lắm, đẹp lắm, con viết thơ về Saigon nói không thua gì tại nhà thờ lớn Đ. C. B. »

Thiệt là cả đẹp vậy. Chẳng những là vì những kẻ chầu lễ ăn mặc trang hoàng, hay là vì tại số kẻ chầu lễ đông vầy, song bởi ai nấy xem lễ một cách sốt sắng nghiêm trang dễ động lòng vậy.

Cha Couvreur mỉn cười mà xưng mình là « Cha sở chiếc tàu André-Lebon ». Khi đọc lời Evang rồi, cha giảng một bài về ngày lễ Chúa khởi hoàn sống lại, về sự dưới tàu sốt sắng làm cho chiếc André-Lebon nên như một họ có đạo trên bờ.

Trong mùa lễ, đồng-nhi nữ cất tiếng hát nhiều kinh nghe thẩm trầm lãnh lói, thêm có đờn piano tiếp nhiệp.

Có một đều làm cho ta động lòng hơn hết, là số người chịu ơn trọng thì rất đông.

Tuy ở dưới tàu mà cũng được xem lễ nhắc lại Chúa khởi hoàn sống lại, một cách hân hoan long trọng.

Cho nên bây giờ, chắc ta sẽ đi được bình an trong Biển-đỏ (*Mer rouge*), là nơi trong Sấm-truyền chép nhiều thánh tích.

Đã cách một ít lâu rồi, tàu của hảng Nhà-rồng chẳng còn chạy Aden nữa.

Bỡi đó, bấy giờ tàu chạy dài theo Biển-đỏ mà đi thẳng một nước tới Marseille.

Trong Biển-đỏ thấy nhiều gành-bãi, nhiều cù-lao, tàu chạy gần gần thì thấy đoàn chim thủy-kê (*goëlands*) bay liệng xung quanh tàu, chúc có ai ném quăng cho miếng thịt.

Trừ ra mấy đều ấy, thì chẳng có đều chi khác lạ.

Trời nóng nực, lâu lâu tàu lại lắc chuyền, nghiên triền làm cho bộ hành cả sợ.

Tôi chẳng rõ vì làm sao lại gọi rằng « Biển-đỏ », vì nước biển nầy cũng xanh như các biển khác.

Ban đêm, dòm sau chơn vịt tàu hay là theo lượng sóng dồi thì thấy nước có sao sáng ngời như « nắm-sáng »

Ngày 19, dưới tàu bày ra cuộc múa-nhảy (*danse*) có hát chập và xổ số Tombola.

Từ Colombo cho tới Djibouti đường tàu chạy trọn cả tuần lễ, cho nên muốn bày ra một cuộc lê lấy tiền giúp cho hội vợ con mồ côi người vượt biển — *œuvres des gens de mer* — (sau nghe nói lại cuộc chơi ấy góp đặng 9.150 quan) mà bỡi trong Tuần thánh, cho nên định lại 8 ngày sau, là ngày hôm nay.

Chưa rõ cuộc chơi vui vẻ thể nào, vì chưa gì, trời mới rạng đông, biển đã có hơi động. Gió thổi chỉ mũi tàu. Mặt biển sóng dậy tư bề, coi như một đoàn chiên đua nhau vỡ chạy, chen lấn lẫn nhau. Sóng bồ bô tàu, khi nhồi lên, lúc hụp xuống, chẳng khác như con ngựa bị một đọt roi mà nhảy dựng lên hai cẳng. Nhiều lượng sóng to đánh bồ lên trước sân tàu, nước tràng vô mấy lỗ hơi (*sabord*), phải đóng lại.

Tuy là chẳng đến nỗi nguy, song thấy sóng lớn, tàu lắc, thì cũng khó chịu.

Cũng may, chiều lại thì lần lần gió lặng trời êm, bộ hành mới tươi mặt, khác nào một đoá hoa nở lại, khi gió tan mưa tạnh.

Bây giờ tàu chẳng nhảy nhồi vì lượng sóng, bộ-hành mới nhảy đầm được đà. Thôi, tôi chúc cho họ ăn chơi vui vẻ, tôi lo vào phòng an nghỉ, vì tôi bị sóng dồi mà ra người dại sóng....



VII. — Suez

Ngày 20 Avril, 9 giờ, thấy thành Suez trước mắt. Tàu chạy gần bờ, chẳng thấy cỏ cây nhà cửa chi chi, đâu đâu cũng khô khan nắng hạng. Thấy rõ ràng nhiều dãy núi. Người ta nói phía sau dãy núi ấy — ở thân giữa đất liền — là núi SINAI là nơi ông Môi-sen lãnh lịnh Chúa. Bởi không tới tận nơi được nên không rõ đều chi mà thuật lại.

Gặp nhiều chiếc tàu chạy thả-máy về đường của tôi mới qua khỏi. Thấy mà phát mủi lòng nhớ cảnh hoài hương. Tôi ước ao chớ chi được như kẻ ở bên mấy chiếc tàu ấy, vì họ

cách tôi trong 50 thước, mà nhơn sao họ đi đường đem về xứ sở của tôi, còn tôi lại xa quê vức tôi mà đi xứ lạ. Ấy cũng bởi tại tôi, nào ai xúi biểu, lại tôi muốn đi chơi mới xa cửa nhà, lìa cố-thồ.

Tuy tôi đi đây có vợ, có con theo dõi, song còn lại nhà một bà-nội tám chục tuổi dư, với song thân tôi, cùng đứa em gái tôi và chồng con nó, sau hết là các bạn cố-giao thiết nghĩa.

Đố ai ở đất khách lạ quê mà chẳng cố hoài bản sở, chẳng vọng tưởng mẹ cha, cùng âu lo cho kẻ ấy. Nhưng mà hãy trông cậy Chúa, cùng phú dâng mọi việc cho Người quản trị, vì chẳng hề khi nào Chúa bỏ ta, nếu ta năng kêu xin cầu khẩn.

10 giờ, tàu đã vào vũng Suez, thấy có nhiều chiếc tàu khác đậu rồi trước. Có một chiếc tàu, tên « L'INDOCHINE ». (Đông-pháp) thấy tên xứ của mình thì vui lòng, mà coi lại thì tàu ấy chở tội-nhơn đày đi xứ Cayenne.

Thành Suez cũng trang-lệ, có nhà lầu kiểu nhà-vuông, có kho trữ đồ cùng nhà giấy xe lửa. Nhơn cư đông đúc. Có lẽ lên chơi cũng vui, ngặt vì tàu đậu đôi giờ đặng xét giấy thông hành, nhứt là cho đặng lương-y xét coi dưới tàu có bệnh chi chăng, cho nên không lên bờ được.

Bộ-hành hạng nào thì tựu nhau lại nơi phòng ăn hạng nấy. Quan lương-y trên thành xuống: hễ kêu tên ai, thì nấy ra đứng cho họ cầm tay coi mạch, nhìn mặt coi có sắc bịnh chăng. Bấy nhiêu đó thì đủ. Chúng tôi hữu hạnh được một bà lương-y Hồng-mao xuống xét. Bà tuổi cao, mang kiến, bộ nghiêm nghị lắm.

Tuy là tàu đậu chẳng bao lâu, mà bầy « táo-lửa » con con cũng xuống được mà bán hình giấy (*cartes postales*) hồ-phách, san hô với trái *ratacoum*, là một thứ trái bồn thồ, tán ra bột. Nếm thử chơi cho biết, chớ ăn không ngon.

Đúng trưa, tàu kéo neo, vào kinh Suez, có một người hoa-tiêu cầm tay bánh. Tàu phải chạy chậm chậm luôn, vì bề ngang kinh hẹp hòi, lại sợ nước giạu theo đuôi tàu mà lở bờ chăng. Có đào hai cái hồ ở giữa đồng, thông lưu với kinh cái hầu cho tàu lớn qua mặt tránh nhau cho dễ.

Vàm kinh Suez cũng khá đẹp. Bên cạy thì có nhiều toà nhà tốt, với nhà dòng của bà-phước ở gần mé kinh. Bên bát thì chẳng thấy chi cả. Hết dãy nhà ấy thì có hình của ông Bát-vật FERDINAND DE LESSEPS, là người Langsa sáng tạo đào kinh nầy, còn trong xa nữa, phía bên cạy và ở giữa, thì thành Suez.

Kinh Suez dài 164 ngàn thước, tàu André-Lebon chạy trước, có một đoàn tàu khác nối đuôi, chạy trọn 15 giờ mới ra khỏi, nghĩa là chạy mỗi giờ đặng 10 ngàn thước.

Hai bên bờ kinh chẳng có chi ngộ, tư bề những đồng cát (*déserts*) minh mông. Bên hữu thì nước A-rạp (*Arabie*), bên tả thì nước Ai-cấp (*Egypte*). Một đỗi lâu lâu mới thấy đôi ba cái nhà người ở, nhà dây thép, trại của dân xáng lo múc vét kinh Suez đừng cho cạn.

Đi ngang kinh Suez thì bực bội nóng nảy khó chịu lắm, vì trời nắng như lửa đổ, thêm trên đồng-cát, nắng hắt hơi nóng xuống lại càng thêm nực nội. Nhưng mà ban đêm thì mát mẻ, khoẻ khoắn, nhiều khi phải lạnh.

Mỗi chiếc tàu đều có một cái đèn (*phare*) thắp bằng điển-khí để trước mũi, cho nên ban đêm, đèn ấy dọi trước hai bên bờ kinh sáng rỡ coi cả đẹp.

——o——

VIII. — Port-Saïd

Ngày 21 Avril, 2 giờ khuya, tàu đã ra khỏi kinh Suez mà vào vũng, thấy trong xa thành Port-Saïd. Tức thì ghe tam-bản cặp lại tàu mà sang than. Trời còn khuya mà bọn đồi bạc với bọn bán đồ ăn cũng mò xuống tàu cho được, mà không biết mua bán với ai, vì bộ-hành dưới tàu còn ngủ.

Qua năm giờ sáng, nghe máy quây rầm rầm, thức dậy, sắm sửa lên bờ. Tới bảy giờ thì lộn xộn kẻ xuống người lên nô nức, nhứt là những con buôn, tràng xuống tàu như một đám dơi đen bu vậy.

Tới đây, trời đã lạnh lần, ai nấy thay đồ trắng mà mặc đồ nĩ đen cho tới bên Tây.

Xuống ghe chèo trong vài phút, trả một quan, thì đã tới bờ. Tụi chèo ghe ở đây phần nhiều là quân ăn cướp cạn, thừa lúc vắng người, ra nghề như tôi đã nói tại Colombo vậy. Chúng nó thường hay xin riêng tiền đưa mình vô bờ. Trả tiền ấy thì trả trên bờ có người thầu. Cho nên quân khốn đó quái gở lắm, phải có lính đi ghe riêng đặng coi chừng chúng nó luôn luôn.

Vậy, ở dưới ghe, nếu nó đưa tay ra đòi hỏi đều chi, cứ làm thinh như tuồng không hiểu, đừng ừ hữ chi cả ; để lên bờ trả tiền cho người thầu, lại có lính đứng coi chừng cho mình đi bình an nữa.

Trên bờ thì cũng một cách, không khác. Nếu chẳng ham vui lên ngoạn cảnh, thì cũng chẳng nên đến mấy nơi như vầy làm chi, vì thấy nhiều phường khốn kíp toan lo lường gạt phỉnh phờ những khách viễn-phương mới đến.

Thành Port-Saïd không có đều chi lạ. Nhỏ hơn mấy thành nơi mấy cửa tàu ghé trước khi tới đây, lại chẳng thấy dấu chi tấn-bộ, còn hũ-lậu vụng về. Xe lớn chở bộ-hành còn chạy trên

đường rầy sắt, bắt ngựa kéo. Đường sá thì u trệ, nhiều xóm nhà dơ dáy bầy hầy. Nói cho phải, cũng có một hai cái nhà-hàng lớn coi khá khá, song cũng không đủ cho khách viễn-phương khỏi chê trách, nhứt là dân bổn-thổ còn dã-man khó chịu lắm. Bọn đổi bạc, bọn bán đồ, hay đón kẻ ngoài đường cái mà kiếm thế gian lận ngược xuôi. Đi tới đâu cũng có thứ ấy đón đường chận ngõ. Thật là một xứ kỳ-cục, cho nên thà vội vã xuống tàu cho rảnh mắt.

Lúc tàu chưa chạy, có một tên chà hindou xuống tàu làm phép thuật coi cũng ngộ. Mỗi lần tàu ghé Port-Saïd thì có tên nầy luôn,

Khi ngồi lại dùng cơm, có một bọn người Ỉ-đại-lợi (*Italiens*) xuống đánh nhạc, lượm tiền bộn bàn.



Đồng-hồ gõ 12 tiếng. Đã tới giờ tàu chạy, ra biển cả Méditerranée là biển chót hết, rồi kế tới Marseille.

Tàu chạy ra ở giữa lòng hai bực-thạch. Bên cạy thấy có nhiều nhà của người phương Tây cả đẹp, nhứt là nhà-hàng thì càng xinh hơn, trước bãi có cất nhà để tắm biển. Bực-thạch phía bát thì bề dài từ trong bờ sắp ra trót gần một ngàn thước. Còn bực-thạch phía cạy lại dài hơn nữa. Ở chính giữa bực-thạch phía cạy, thì hình ông Ferdinand de Lesseps bằng đồng, tay chỉ vô kinh Suez dường như bảo rằng : « Ớ người hành lộ, mựa chớ lo sợ, vì nhờ trí-tài Langsa mà mối đường nầy ra vắn tắt, chẳng còn sợ đều chi nguy hiểm ».

Tàu đã ra khơi tư bề những biển, gió rao rao thổi mát, ấy là gió mùa xuân.

Thấy ít cây cột buồm ở dưới nước lú lên, họ nói là cột buồm tàu bị tàu ngầm A-lê-măng bắn trong lúc chiến tranh.

Cũng hãy còn dấu vếch cuộc giặc mới qua, trông cậy là trận giặc sau hết vậy.

——o——

IX. — Một đường trực chỉ Marseille

Còn một cái biển Méditerranée nầy nữa, thì tới nơi tới chốn. Ước tròng cho biển thuận gió hoà, thì việc hành trình vuông tròn an hảo.

Mầng lòng, vì còn bốn năm ngày nữa, sẽ tới nơi, lo sắm sửa đồ hành-lý cho sẵn sàng, hầu lên bến tại Marseille cho gọn.

Thiệt tối hư quá đỗi, gần tới Marseille, nhớ cá hấu ca-ri mà thèm nhểu nước miếng, hết muốn biên ký việc đi đường của tôi nữa, cho nên tôi xin giừng bút.

Còn lo cho khi tới Marseille và Paris, có chỗ mà đình trú, khỏi ngủ dạ cầu. Bởi đó đánh vô-tuyến-điện (dây thép gió) vô Paris và Marseille, nhờ bạn hữu mướn phòng nhà-ngủ trước (Dây thép không dây, thiệt là tiện mà lại rẻ : 1 fr,59 một tiếng.)

Tới đây chẳng còn đều chi lạ nên biên. Quan Cai tàu cho hay trước ngày 26 Avril, 7 giờ sớm mai, thì tới Marseille.

Đi ngang cù-lao Sicile và mũi xứ Í-đại-lợi rồi thấy Messine, kế núi lửa Stromboli, bên hông còn dấu những đường chai, trợ, trong miệng núi chảy ra.

Bây giờ chỉ còn sót việc tới Marseille, lúc lên bờ, lúc sở Thương-chánh xét, chưa nói tới, mà tôi chẳng nở làm nhọc lòng độc giả chư quân đã có công cùng tôi đi từ Saigon tới đây, thiệt là ơn của chư quí vị tôi nguyện chẳng quên vậy.

⁂

Sau hết, tôi xin chỉ một ít đều theo ý riêng tôi tưởng giúp ích cho đồng-bang trong việc đi du-lịch.

1° — Muốn đi xứ xa, phải có một số tiền bằng ba số của mình dự định mà đi, vì việc tồn phí dọc đàng thì thình lình và vô-hạng.

—o—

2° — Phải biết nói tiếng Langsa và tiếng Hồng-mao khá khá.

3° — Đừng đem hành-lý theo nhiều ;

4° — Dọc đàng, đừng mua đồ gì không cần-kíp ;

5° — Chớ vội tin cậy những kẻ lạ mình mới làm quen ;

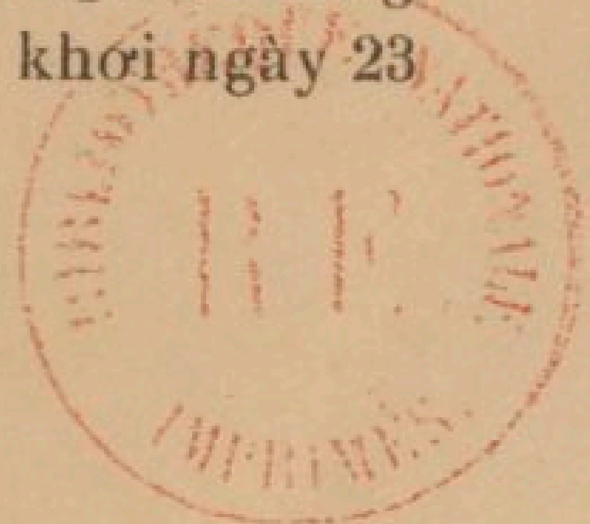
6° — Muốn hỏi thăm đều chi, phải lựa người chơn chất thiệt thà.

Đội ơn Chúa cùng Đức Mẹ là sao các biển dã cho chúng tôi đi đường đặng bình an mạnh giỏi, vui vẻ và có bậu bạn sớm hôm.

Tôi ngưng bút lại ngày này là ngày Chúa-nhựt thứ nhứt sau lễ Phục-sinh, thì tôi xin kiếu độc giả chư quân cùng các bạn cố-giao, mà mượn ít kinh hát trong ngày hôm nay hầu cám ơn Chúa đã cho tôi quá hải bình an, phần hồn phần xác.

« Post transitum Maris Rubri,
Christo canamus Principi ».
Đã qua Biển đỏ xác hồn an.
Nhờ-lương Cao-dày phước chứa chan.
Chúc tụng khong khen Ngôi Cứu Thế,
Cầm quờn Thiên cửu trị trần-gian.

Biên chép dưới chiếc tàu André-Lebon của hảng Nhà-rồng (Messageries Maritimes) và làm xong giữa biển khơi ngày 23 Avril 1922.



CHUNG